

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày 14-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út;
- Ông Trần Chí Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Trần Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1 nhỏ), sinh ngày 29 tháng 7 năm 1998 tại tỉnh N; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà (không xác định); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bản án số: 97/2022/HS-ST ngày 16-9-2022, Tòa án nhân huyện G, tỉnh N tuyên phạt T 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12-02-2023, chưa nộp án phí và bồi thường thiệt hại, chưa được xóa án tích; tiền sự: Quyết định số 129/QĐ-XPHC ngày 27-12-2021, Công an xã T, huyện C, tỉnh N xử phạt T 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, nộp phạt ngày 31-12-2021 và Quyết định số 455/QĐ-XPHC ngày 13-4-2022, Công an huyện G, tỉnh N xử phạt T 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, chưa nộp phạt, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; nhân thân: Quyết định số 129/QĐ-XPHC, ngày 01-8-2018, Công an xã T, huyện T, tỉnh N xử phạt T 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ từ ngày 09-02-2024, chuyển tạm giam từ ngày 18-02-2024 cho đến nay; có mặt.

2. Võ Tổ Q, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2005 tại tỉnh N; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, Huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ và bà Phạm Thanh N; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 24-4-2024 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh N; vắng mặt;

2. Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Tạ Thị Bích N1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 25-8-2023, Nguyễn Văn T, Võ Tổ Q đang ở nhà trọ thuê ở khu vực ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N thì T nảy sinh ý định lén lút chiếm đoạt xe mô tô của những công nhân đang làm trong lò mì Sầm Nhất thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N đem bán lấy tiền tiêu xài. T bàn với Q khi T trèo rào vào bên trong lò mì Sầm Nhất, lấy trộm được xe sẽ điều khiển chạy ngang phòng trọ net pô xe báo hiệu cho Q biết để Q lấy xe mô tô ở phòng trọ chạy đến khu vực xã C, Huyện D, tỉnh N để đón T thì Q đồng ý. Q cầm theo ghế nhựa cùng T đi bộ đến lò mì Sầm N2, T sử dụng ghế để leo rào vào bên trong, Q đi bộ về phòng trọ. T đi đến chỗ máy chạy bột của lò mì thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 70H1-385.03 của anh Nguyễn Văn H có sẵn chìa khóa trên xe, không ai trông coi nên lén lút lấy xe mô tô và đề máy xe chạy ra bằng đường cổng chính của lò mì. Khi ra được bên ngoài, T điều khiển xe chạy đến xã C, Huyện D, tỉnh N cầm xe mô tô cho ông Trương Hải M (tên gọi khác S), sinh năm 1972, ngụ ấp K, xã C, huyện D, tỉnh N với số tiền 2.700.000 đồng, ông M không biết là xe mô tô do trộm cắp mà có. Sau khi cầm xe, T điện thoại cho Q đến đón đi xuống huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. T và Q đã sử dụng hết số cầm xe vào mục đích tiêu xài cá nhân. Hiện xe này ông M đã bán cho người khác không xác định được họ tên, năm sinh và địa chỉ.

Vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 01-02-2024, T đi bộ đến nhà anh Đỗ Văn D, nhờ anh D chở về nhà thì anh D đồng ý. Anh D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 70H1-436.29 chở T đến khu vực đường nhựa cặp hông trường mầm non H1 thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N thì dừng lại. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của D đem bán lấy tiền tiêu xài nên T nói với D cho mượn xe để đi về nhà lấy tiền. T nói nếu D cùng đi về nhà T, cha của T thấy sẽ không cho tiền. Di tin tưởng T nên đồng ý giao xe mô tô nói trên cho T mượn. Sau đó, T điều khiển xe chạy xuống thành phố T, tỉnh N thì gặp một người tên T2 (không xác định được nhân thân, lai lịch) là bạn quen biết ngoài xã hội, nhờ T2 dẫn đi cầm xe, T nói là xe của mình đang cần tiền nên nhờ cầm. T2 đồng ý giúp nên dẫn T đến gặp chị Tạ Thị Bích N1, sinh năm 1999, ngụ khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh N để cầm xe của D cho bà N1 với số tiền 3.000.000 đồng, chị N1

không biết là xe do T chiếm đoạt của người khác mà có, số tiền cầm xe T sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra T, Q còn khai nhận đã dùng thủ đoạn gian dối và lén lút chiếm đoạt tài sản là các xe mô tô của nhiều người trên địa bàn huyện C, D và thị xã T, tỉnh N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã có văn bản chuyển tin báo tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát các địa phương trên và các cơ quan trên có văn bản phúc đáp như sau:

- Văn bản phúc đáp số 701/ĐCSHS ngày 29-4-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh N phúc đáp với nội dung “do thông tin về nhân thân, lai lịch của ông V chưa rõ nên không xác định và mời làm việc được ông V. Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 12-2023 đến nay chưa có trường hợp nào người dân đến Công an phường T và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trình báo bị Nguyễn Văn T mượn và chiếm đoạt xe mô tô, không có thụ lý vụ việc như trên”;

- Công văn số 402/CV-ĐCSHS ngày 12-6-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D, tỉnh N phúc đáp trao đổi thông tin, nội dung “Tại thời điểm thực hiện hai vụ chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Văn T và Võ Tổ Q chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi của T, Q không có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trộm cắp tài sản”, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện D, tỉnh N không tiến hành thụ lý tin báo.

- Công văn số 256/CV-CSHS ngày 27-5-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh N phúc đáp trao đổi nội dung “giá trị các tài sản T, Q chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nên chưa đủ yếu tố để khởi tố bị can”.

** Kết quả định giá tài sản:*

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-ĐĐGTS ngày 15-02-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Wave, màu trắng-đen-bạc, biển số 70H1- 436.29, số khung: 3912KY340639, số máy: JA39E1206343, đã qua sử dụng, hiện nay vẫn còn hoạt động tốt, có giá trị là 13.300.000 đồng;

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 07/KL-HĐĐGTS ngày 16-02-2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, biển số 70H1- 385.03, số khung: 1710JY256506, số máy: E3T6E375916, đã qua sử dụng, hiện nay vẫn còn hoạt động tốt, có giá trị là 10.000.000 đồng;

** Kết quả kê biên tài sản:* qua xác minh các bị cáo T, Q không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

** Phân trách nhiệm dân sự:* anh H yêu cầu các bị cáo T, Q bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Anh D đã nhận là tài sản là xe mô tô và không yêu cầu bồi thường thêm; chị N1 không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 3.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSTB, ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1 nhỏ) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Tổ Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1 nhỏ) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Tố Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1 nhỏ) từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1 nhỏ) từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T cho hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Tố Q 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Q.

* *Về bồi thường thiệt hại*: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị hại Đỗ Văn D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo T, Q bồi thường thiệt hại.

- Buộc các bị cáo T, Q có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo T, Q xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Vào khoảng 04 giờ, ngày 25-8-2023, tại khu vực lò mì S1 thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu không trông coi xe mô tô và trên xe có sẵn chìa khóa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Võ Tổ Q đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 70H1-385.03 của anh Nguyễn Văn H, trị giá 10.000.000 đồng đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo T, Q đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Ngoài ra, vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 01-02-2024, tại khu vực đường nhựa cấp hông trường mầm non H1 thuộc ấp H, xã H, huyện T, tỉnh N, bị cáo T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 70H1-436.29, trị giá 13.300.000 đồng của anh Đỗ Văn D, nên đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật (yêu cầu anh D cho T mượn xe mô tô trên để T nhà lấy tiền), khiến anh D tin là thật và giao tài sản là xe mô tô nêu trên cho T, sau khi lấy được xe T đã đem cầm cố xe cho người khác lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] Bản Cáo trạng số: 39/CT-VKSTB ngày 21-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh N truy tố các bị cáo T, Q và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất trật tự tại địa phương, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của mình gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ của từng bị cáo: đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo T, Q không có sự cấu kết chặt chẽ và bàn bạc, phân công công việc cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại và đem đi tiêu thụ, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo Q là người giúp sức cho bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng: bị cáo T đã bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, tình tiết giảm nhẹ “*Tự thú*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: T thực hiện hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” mặc dù đều là tội xâm phạm sở hữu nhưng không cùng một loại hành vi và mỗi loại hành vi T chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự một lần; việc T khai nhận thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh H sau khi anh H đã trình báo công an địa phương.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo T, Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được xem xét áp dụng tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Nhân thân: bị cáo T nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”

[6] Về hình phạt áp dụng: các bị cáo T, Q còn trẻ, có sức khỏe để lao động nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài và chơi bời của cá nhân mà không phải lao động vất vả, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, nên xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội danh đối với bị cáo T là hình phạt tù có thời hạn.

Các bị cáo T, Q không có tài sản có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: bị hại anh D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ N1 đều không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra, bị hại anh H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; tại phiên tòa các bị cáo T, Q đồng ý bồi thường cho bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, T và Q cùng nhau trộm cắp tài sản của anh H đem cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài, nên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh H số tiền 10.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng

[8] Chị Tạ Thị Bích N1, ông Trương Hải M có hành vi nhận cầm cố các xe mô tô do T, Q phạm tội mà có, nhưng chị N1, ông M không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh N không xử lý đối với chị N1, ông M là có căn cứ.

Đối với các vụ chiếm đoạt tài sản do T và Q thực hiện trên địa bàn thị xã T, Huyện D, huyện C, tỉnh N, thời điểm thực hiện hành vi các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, một số vụ việc chưa xác định được bị hại và không tiếp nhận, thụ lý tin báo nào về việc bị chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Huyện D, huyện C, tỉnh N không tiến hành thụ lý, khởi tố vụ án.

[9] Về án phí: các bị cáo T, Q là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Võ Tổ Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành chung cho cả hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” là 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09-02-2024.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Tổ Q 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Võ Tổ Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Võ Tổ Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng mỗi bị cáo chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng KTNV.TAT;
- Sở tư pháp TN;
- Phòng PV06 – Công an TN;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Thúy